**TUẦN 12**

*Soạn ngày 23/12/2024*

*Dạy thứ Hai ngày 25 tháng 11 năm 2024*

**TOÁN**

**TIẾT 56 : HÌNH TAM GIÁC,**

**DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC ( T1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- HS nhận biết được đặc điểm của hình tam giác: Phân biệt 4 dạng hình tam giác theo góc, cạnh; nhận biết đáy và đường cao.

- HS vận dụng được việc nhận biết các đặc điểm của hình tam giác để giải quyết một số tình huống thực tế.

**2. Năng lực, phẩm chất :**

**a. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động tích cực tìm hiểu về hình tam giác, diện tích hình tam giác.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết vận dụng được công thức tính diện tích hình tam giác để giải quyết một số tình huống thực tế.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

***Năng lực dặc thù***

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**b. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy. Máy tính, máy chiếu.

**2. Đối với học sinh**

- Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu :** *(5p)* |  |
| **a.Khởi động**  - GV tổ chức trò chơi “Nghe đặc điểm – Đoán hình”  - GV hướng dẫn cách chơi: : 3 – 5 HS lên bốc thăm 1 hình bất kì, mô tả để các bạn đoán xem đó là hình gì. (hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình thoi, hình chữ nhật,...)  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  **b. Kết nối:**  - GV dẫn dắt HS vào bài học | - HS lắng nghe  -HS tham gia chơi  -HS lắng nghe  - HS chú ý lắng nghe |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***: (13p)* | |
| **HĐ 1: Giới thiệu hình tam giác**  - Mời HS nêu hiểu biết của mình về hình tam giác.  - GV nhận xét thống nhất dạng hình tam giác trong hình  + Hình tam giác có 3 góc nhọn gọi là hình tam giác nhọn.  + Hình tam giác có 1 góc vuông gọi là hình tam giác vuông.  + Hình tam giác có 1 góc tù gọi là hình tam giác tù.  - GV giới thiệu sự đặc biệt của tam giác  đều.  + Hình tam giác có 3 cạnh bằng nhau gọi  là hình tam giác đều;  + Hình tam giác đều có 3 góc bằng nhau và cùng bằng 60o  - GV mở rộng: Vì sự cân đối, hài hoà nên hình tam giác đều thường được ứng dụng trong cuộc sống, là hoạ tiết, hoa văn trang trí,...  **HĐ 2: Giới thiệu đáy và đường cao của hình tam giác**  - GV yêu cầu HS quan sát hình tam giác  ABC trên bảng và trả lời câu hỏi:  + Hình tam giác ABC có những cạnh nào?  - GV nêu:  Trong hình tam giác ABC có:  + Khi BC là đáy; AH vuông góc với BC.  + AH là đường cao tương ứng với đáy BC. + Độ dài AH là chiều cao.  - GV yêu cầu học sinh quan sát và mô tả đặc điểm của đường cao AH  - GV giới thiệu: Trong hình tam giác, đoạn thẳng đi từ đỉnh và vuông góc với đáy tương ứng gọi là đường cao của hình tam giác và độ dài đoạn thẳng này gọi là chiều cao của hình tam giác.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 và chỉ ra đáy, đường cao tương ứng của mỗi hình.  - GV nhận xét | - HS nêu biểu tượng về hình tam giác  - HS thảo luận nhóm đôi để tìm ra các loại hình tam giác được nhắc đến trong cuộc hội thoại của 3 bạn.  - Đại điện trình bày kết quả.  -HS lắng nghe và nêu lại  -HS lắng nghe và nêu lại  -HS lắng nghe  - HS quan sát và trả lời câu hỏi.  - HS quan sát hình và mô tả đặc điểm của đường cao AH  -HS lắng nghe  - HS thảo luận nhóm 4 chỉ ra đáy và đường cao tương ứng trong mỗi hình  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập thực hành***: (12p)* | |
| **Bài 1.**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV mời HS làm việc cá nhân về dạng hình tam giác của các đồ vật trong tranh  - GV mời HS nêu kết quả  - GV mời HS nêu ý kiến, bổ sung  - GV nhận xét, chốt đáp án  + Hình 1: Chiếc kệ trang trí có dạng hình tam giác đều.  + Hình 2: Lá cờ có dạng hình tam giác  nhọn.  + Hình 3: Chiếc cầu trượt có dạng hình tam giác tù.  + Hình 4: Chiếc ê ke có dạng hình tam giác vuông.  **Bài 2.**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, thực hiện yêu cầu: Chỉ ra đáy và đường cao tương ứng được vẽ trong hình tam giác  - GV mời đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận  - GV yeu cầu các nhóm khác nêu ý kiến, bổ sung  - GV nhận xét lưu ý về đáy và đường cao: Trong hình tam giác, mỗi đáy sẽ có một đường cao tương ứng. Đường cao có thể nằm trong hoặc nằm ngoài hình tam giác. Trong hình tam giác vuông, đáy và đường cao ứng với 2 cạnh vuông góc  Đáp án:  + Trong hình tam giác ABC, đáy là AC, đường cao là BH  + Trong hình tam giác DEG, đáy là EG, đường cao là DH  + Trong hình tam giác MNP, đáy là NP,  đường cao là MP hoặc đáy là MP, đường cao là NP.  **Bài 3.**  - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV mời HS nêu tác dụng của hình tam giác trong bức tranh.  - Mời HS nêu ý kiến, bổ sung về các kết quả tìm được  - GV mời HS nhận diện và nêu từng loại hình tam giác có trong bức tranh  - GV đánh giá, nhận xét và tuyên dương.  + Hình tam giác màu xanh lá cây và màu tím là hình tam giác vuông,  + Hình tam giác màu nâu và màu vàng là hình tam giác nhọn,  + Hình tam giác màu đỏ là hình tam giác tù). | - HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..  - HS làm việc cá nhân về dạng hình tam giác của các đồ vật trong tranh  - HS chia sẻ kết quả  - HS nêu ý kiến  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi  - HS thảo luận theo nhóm đôi  - Đại diện nhóm báo cáo  - Các nhóm nêu ý kiến, bổ sung  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi  - HS chia sẻ ý kiến  - HS nêu ý kiến  - HS nhận diện và nêu từng loại hình tam giác có trong bức tranh  - HS lắng nghe |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm *(*** *5p )* | |
| **-** GV tổ chức cho HS quan sát, kể tên một số đồ vật có dạng hình tam giác quanh lớp, trong cuộc sống hằng ngày.  - GV nhắc nhở HS về nhà :  + Ôn tập kiến thức đã học*.*  + Hoàn thành bài tập trong SBT.  + Đọc và chuẩn bị trước : Hình tam giác, diện tích hình tam giác ( Tiết 2) | - HS chia sẻ ý kiến  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 78 : ĐỌC: THẾ GIỚI TRONG TRANG SÁCH**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Thế giới trong trang sách, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp, sự kì diệu của thế giới trong những trang sách cũng như bài học quý báu của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn người đọc.

- Đọc hiểu: Nhận biết được những hình ảnh đẹp, có sức gợi tả về một thế giới kì diệu từ những trang sách và ý nghĩa của những trang sách đối với trí tuệ, tâm hồn, nhân cách, phẩm chất của người đọc.

**2. Năng lực, phẩm chất :**

**a. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***Năng lực đặc thù***

- Hiểu được điều nhà thơ muốn nhắn nhủ qua bài thơ: Qua những trang sách, chúng ta cảm nhận được rằng: Nhân nghĩa là lẽ sống đẹp của dân tộc mà mỗi con người cần hướng tới.

**b. Phẩm chất**

- Phẩm chất yêu nước: Chủ động và tích cực đọc sách để mở rộng tri thức, bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt đọng tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, SGK, Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5.

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu :** *(5p)* |  |
| **a.Khởi động**  - GV yêu cầu 2 - 3 HS đọc nối tiếp bài *Khổ luyện thành tài* và trả lời câu hỏi:  + Chủ đề của câu chuyện là gì?  + Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  **b. Kết nối:**  - GV dẫn dắt và giới thiệu bài đọc | - HS đọc và trả lời câu hỏi  - HS quan sát, tiếp thu.  - HS lắng nghe và ghi đầu bài |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***: (15p)* | |
| **HĐ 1: Đọc văn văn bản**  - GV đọc mẫu cho HS nghe  - GV hướng dẫn HS đọc và luyện đọc một số từ khó, hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu thể hiện cảm xúc.  - GV tổ chức cho HS đọc thành tiếng các khổ thơ, đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp. Bài đọc chia thành các khổ thơ để luyện đọc và tìm ý:  **HĐ 2: Đọc hiểu**  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.  - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)  + men theo (bờ suối): di chuyển lần theo phía bên (bờ suối)  + đằm mình: ngâm mình lâu trong nước.  + thung lũng: vùng đất trũng thấp giữa hai sườn dốc.  - GV tổ chức cho HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận trong nhóm hoặc nhóm nhỏ  để trả lời từng câu hỏi trong bài  - GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu  có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *Câu 1:*  *Câu 2: Ví dụ, khi còn bé, nhìn lên vầng trăng, ta tưởng có chú Cuội ngồi gốc cây đa như trong truyện cổ tích được bà, được mẹ kể. Nhưng lớn lên, sách khoa học giúp ta hiểu con người đã đặt chân lên Mặt trăng, con người đã khám phá bao điều bí ẩn của vũ trụ.)*  *Câu 3 :Khổ thơ giúp em cảm nhận được rằng*  *Câu 4 : Các đáp án đều đúng ( HS trả lời vì sao theo ý mình )*  - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.  => *Qua những trang sách, chúng ta cảm*  *nhận được rằng: nhân nghĩa là lẽ sống đẹp của dân tộc mà mỗi con người cần hướng tới.* | - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc  thầm theo.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV.    - HS luyện đọc theo nhóm.  - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - HS nghe giải nghĩa từ.  - HS đọc thầm, HS làm việc nhóm đôi để trả lời các câu hỏi.  - HS trả lời.  *- Ở khổ thơ đầu, thế giới diệu kì mà những trang sách mang đến cho người đọc (tặng cho người đọc) chính là vẻ đẹp cuộc sống được miêu tả, phản ánh trong trang sách. Vẻ đẹp đó được thể hiện qua những hình ảnh thơ: bầu trời sao lấp lánh, mặt biển xanh với cánh buồm nâu trong nắng, bảy sắc cầu vồng sau cơn mưa,...*  *- Câu thơ “Trang sách trả lời câu hỏi tuổi thơ” ý muốn nói các bạn nhỏ đọc sách sẽ tìm thấy câu trả lời cho những câu hỏi, những băn khoăn, thắc mắc của mình về những sự vật, hiện tượng “bí ẩn” trong vũ trụ bao la.*  *- Những trang sách đã thắp lên ước mơ, khát vọng trong tâm hồn trẻ thơ, giúp chúng em mở mang hiểu biết, mở rộng tầm nhìn,.../...*  -HS chia sẻ ý kiến  -HS nhắc lại nội dung bài |
| **3. Hoạt động luyện tập thực hành***: (10p)* | |
| **Luyện đọc lại**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.  - GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm. | -Làm việc cá nhân (đọc toàn bài). Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp các khổ thơ trước lớp, nếu còn thời gian). |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm *(*** *5p )* | |
| - GV nêu câu hỏi: *“Em thích khổ thơ nào trong bài? Vì sao?”*  - GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp (nếu có thời gian).  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của  HS trong giờ học, khen ngợi những HS  tích cực; nhắc nhở, động viên những HS  còn chưa tích cực, nhút nhát.  + Chia sẻ với người thân về bài đọc. | -HS chia sẻ trong nhóm  -HS chia sẻ trước lớp  -HS lắng nghe  - HS lắng nghe, tiếp thu  -HS lắng nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

.........................................................................................................................................

.........................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 79 : LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**DẤU GẠCH NGANG**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Biết thêm một công dụng của dấu gạch ngang: đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu; biết dùng dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích khi viết.

**2. Năng lực, phẩm chất :**

**a. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Nâng cao kĩ năng tìm hiểu dấu gạch ngang, ứng dụng vào thực tiễn.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***Năng lực đặc thù***

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

**b. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng tình yêu với thiên nhiên, cuộc sống.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy , SGK, Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu :** *(5p)* |  |
| **a.Khởi động**  - Đưa ra 1 câu có sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. (Ví dụ: Trần Đăng Khoa – thần đồng thơ Việt Nam – 8 tuổi đã có bài đăng báo.); sau đó thực hiện thao tác lược bỏ dấu gạch ngang (Trần Đăng Khoa thần đồng thơ Việt Nam 8 tuổi đã có bài đăng báo.) và yêu cầu HS so sánh nghĩa của 2 câu.  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  **b. Kết nối:**  - GV dẫn dắt vào bài | 1 - 2 HS trình bày những điều đã học về công dụng của dấu gạch ngang.  - So sánh nghĩa của 2 câu và nhận ra: Câu sau không rõ nghĩa.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nghe và ghi đầu bài |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới** *: (12p)* | |
| **Bài 1.**  Gọi 1 HS đọc lại bài tập.  - Hướng dẫn HS làm bài:  + Tìm bộ phận câu đứng ngay sau dấu gạch ngang và ý  nghĩa của bộ phận đó trong câu (trong quan hệ với từ trước nó).  + Trao đổi nhóm đôi hoặc nhóm 4 để thống nhất kết quả.  - Gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. (GV có thể phát phiếu bài tập cho các nhóm 4.)  - GV nhận xét, chốt đáp án D: Dấu gạch ngang trong các câu ở BT1 dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.  **Bài 2.**  - Gọi 1 – 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi.  - Gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày.  - GV chốt đáp án.  a. (Lê Quý Đôn – tên lúc nhỏ là Lê Danh Phương - nổi tiếng | ham học, thông minh, có trí nhớ tốt.): Dấu gạch ngang đứng ở giữa câu, dùng để đánh dấu bộ phận chú thích trong câu;  - Mời 2 – 3 HS nêu thêm công dụng của dấu gạch ngang, ngoài những công dụng đã học ở lớp 3, lớp 4.  **Ghi nhớ**  - Gọi 1 - 2 HS đọc phần Ghi nhớ (SGK, trang 107)  - Để 1 - 2 phút cho cả lớp tự đọc và thuộc lòng Ghi nhớ. | - 1 HS đọc bài tập. 1.  - Làm bài tập theo hình thức nhóm đôi hoặc nhóm 4 (dựa theo gợi ý của GV) để thống nhất kết quả.  - Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. Các bạn khác nêu ý kiếnt, góp ý.  -HS lắng nghe  - 1 − 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả.  - Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp. HS khác nêu ý kiến  - HS lắng nghe  b. (Thế giới biết ơn những nhà phát minh...): Dấu gạch ngang đánh dấu các ý liệt kê và đứng ở đầu mỗi ý liệt kê.  c. (Đến Phong Nha – Kẻ Bàng, chúng tôi...): Dấu gạch ngang nối các từ ngữ trong một liên danh và đứng ở giữa các từ ngữ.  - 2 - 3 HS nêu thêm công dụng của dấu gạch ngang, ngoài những công dụng đã học.  - 1 - 2 HS đọc phần Ghi nhớ: Ngoài công dụng..., dấu gạch ngang có thể được đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu. |
| **3. Hoạt động luyện tập thực hành***: (13p)* | |
| **Bài 3.**  - Gọi 1 HS đọc bài tập.  - Lưu ý HS: Chỉ chọn câu có dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. Không chọn những câu sử dụng với công dụng khác.  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm  - Gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả.  - Nhận xét và chốt đáp án: Dấu gạch ngang trong câu 1 và câu 2  ***Lưu ý***: Những dấu gạch ngang còn lại dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp (– Từ nay, con chỉ du lịch trong tưởng tượng thôi.) và đánh dấu ý liệt kê (– Hai vạn dặm dưới biển, – Vòng quanh thế giới trong 80 ngày,...) (Có thể chuyển bài tập 3 sang dạng trắc nghiệm (nối). Ví dụ: Nối câu (ở cột A) với công dụng phù hợp của dấu gạch ngang (ở cột B) để tìm ra câu có dấu gạch ngang đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.  **Bài 4.**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4.  - GV đánh giá và ghi nhận những câu hay, thể hiện được công dụng đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích của dấu gạch ngang và viết đúng hình thức của dấu gạch ngang.  (Ví dụ: Một lần, Pa-xcan đi về khuya, thấy bố – một viên chức tài chính – vẫn cặm cụi ngồi kiểm tra sổ sách. Anh rất thương bố, lặng lẽ đi về phòng mình và vạch sơ đồ gì đó lên giấy. Ít hôm sau, anh đã chế tạo xong cái máy cộng trừ và mang tặng bố, giúp bố bớt vất vả vì những con tính.) | - 1 HS đọc bài tập.  -HS lắng nghe  - Làm việc theo nhóm đôi để thống nhất ý kiến.  - Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả. - (Giuyn Véc-nơ – một trong những người được gọi là “cha đẻ của khoa học viễn tưởng” – rất thích du lịch tới các miền xa xôi.)  - (Năm mười một tuổi, cậu định đi theo một chiếc thuyền Ấn Độ – chiếc thuyền mà cậu hi vọng sẽ căng buồm đi khắp đó đây.) dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích.  Lớp nêu ý kiến  -HS lắng nghe  - 1 − 2 HS nêu yêu cầu của bài tập.  - HS làm việc nhóm 4: chia sẻ các câu đã viết, nghe góp ý của nhóm để chỉnh  sửa.  - Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả viết.  -HS nêu ý kiến  -HS lắng nghe |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm *(*** *5p )* | |
| - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học.  + Tìm 1 - 2 câu trong sách, truyện, báo chí,….có sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. | - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Soạn ngày 23/12/2024*

*Dạy thứ Ba ngày 26 tháng 11 năm 2024*

**TOÁN**

**TIẾT 57 : HÌNH TAM GIÁC,**

**DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC ( TIẾT 2)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- HS nhận biết được đặc điểm của hình tam giác. Phân biệt 4 dạng hình tam giác theo góc, cạnh; nhận biết đáy và đường cao.

- HS vẽ được đường cao của hình tam giác: Vẽ đường cao của hình tam giác theo mẫu và vẽ đường cao của những hình tam giác đó; liên hệ, vận dụng trong một số tình huống thực tế.

**2. Năng lực, phẩm chất :**

**a. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động tích cực tìm hiểu và nhận biết, phân biệt được 4 dạng hình tam giác; nhận biết đáy và đường cao.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết vận dụng được việc nhận biết các đặc điểm của hình tam giác để giải quyết một số tình huống thực tế.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

***Năng lực dặc thù***

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**b. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy. Các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy

**2. Đối với học sinh**

- Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu :** *(5p)* |  |
| **a.Khởi động**  - GV nêu vấn đề: Làm thế nào để tạo ra 2 hình tam giác vuông từ 1 hình tam giác nhọn cho trước?  - Yêu cầu HS nêu cách để tạo ra 2 hình tam giác vuông từ 1 hình tam giác cho trước.  - GV nhận xét. Chốt cách thực hiện  **b. Kết nối:**  - GV dẫn dắt HS vào bài học | -HS lắng nghe, suy nghĩ tìm cách thực hiện  -HS chia sẻ cách thực hiện  -HS lắng nghe  - HS chú ý lắng nghe, Ghi đầu bài |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***: (13p)* | |
| **HĐ 1: Vẽ đường cao của hình tam giác có hai góc nhọn ở đáy**  - GV tổ chức các nhóm chuyên gia theo  phân công.  + Nhóm chuyên gia 1: Chuyên gia về hình tam giác nhọn.  + Nhóm chuyên gia 2: Chuyên gia về hình tam giác tù.  + Nhóm chuyên gia 1 được phát bảng phụ (1).  + Nhóm chuyên gia 2 được phát bảng phụ (2).  - GV yêu cầu các nhóm chuyên gia thực hiện nhiệm vụ  - GV theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm.  - GV nhận xét, thống nhất cách vẽ  + Bước 1: Xác định đáy cần vẽ góc vuông  (đáy BC).  + Bước 2: Xác định đỉnh đối diện với cạnh BC (đỉnh A).  + Bước 3: Đặt 1 cạnh góc vuông của ê ke  trùng với đáy BC, trượt ê ke trên đáy BC cho đến khi cạnh vuông góc còn lại đi qua đỉnh A.  + Bước 4: Kẻ đoạn thẳng từ A hạ xuống đáy BC. Đánh dấu điểm vừa cắt trên BC là điểm H, vẽ kí hiệu góc vuông. AH chính là đường cao ứng với đáy BC của hình tam giác ABC.  b) Vẽ đường cao của hình tam giác có một góc tù ở đáy  - GV yêu cầu các nhóm chuyên gia thực hiện nhiệm vụ  - GV theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ các nhóm.  - GV nhận xét, thống nhất cách vẽ  + Bước 1: Xác định dáy cần vẽ góc vuông (dáy BC) và kéo dài cạnh đáy đó về phía đỉnh đối diện (đỉnh A).  + Bước 2: Xác định đỉnh đối diện với cạnh BC (đỉnh A).  + Bước 3: Đặt 1 cạnh góc vuông của ê ke trùng với đáy BC, trượt ê ke trên dáy BC về phía đỉnh A cho đến khi cạnh vuông  góc còn lại đi qua đỉnh A.  + Bước 4: Kẻ đoạn thẳng từ A hạ xuống đáy BC. Đánh dấu điểm vừa cắt trên BC là điểm H, vẽ kí hiệu góc vuông. AH chính là đường cao ứng với đáy BC của hình tam giác ABC.  -GV yêu cầu HS nêu  + Các bước giống nhau trong cách vẽ đường cao  của hai loại hình tam giác.  + Sự khác biệt trong cách vẽ đường cao của hai loại hình tam giác.  -GV nhận xét , chốt ý:  Giống nhau:  + Cần xác định dáy và đường cao tương ứng.  + Vẽ đoạn thẳng vuông góc đi qua đỉnh tới đáy tương ứng.  Khác nhau:  + Hình tam giác có một góc tù ở đáy cần kéo dài đáy về phía đỉnh đối diện, đường cao nằm ngoài hình tam giác.  + Hình tam giác có hai góc nhọn ở đáy thì đường cao sẽ nằm ở trong hình tam giác. | - HS trong mỗi tổ được chia thành 2  nhóm chuyên gia  - Các nhóm chuyên gia nhận nhiệm vụ: Nghiên cứu cách vẽ đường cao của các  hình tam giác đã cho.  - Các nhóm chuyên gia nghiên cứu, vận dụng kiến thức về vẽ đường vuông góc, với sự giúp đỡ của GV, thống nhất cách vẽ đường cao trong từng loại hình tam giác.  -HS lắng nghe  - Các nhóm chuyên gia nhận nhiệm vụ: Nghiên cứu cách vẽ đường cao của các hình tam giác đã cho.  - Các nhóm chuyên gia nghiên cứu, vận dụng kiến thức về vẽ đường vuông góc, với sự giúp đỡ của GV, thống nhất cách vẽ đường cao trong từng loại hình tam giác.  -HS lắng nghe  -HS chia sẻ ý kiến  -HS lắng nghe. |
| **3. Hoạt động luyện tập thực hành***: (12p)* | |
| **Bài 1**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV yêu cầu HS thực hành vẽ đường cao hình tam giác vào vở  - GV mời 2 HS lên bảng vẽ đường cao.  - GV yêu cầu 1-2 HS nêu cách vẽ đường cao ứng với đáy GE.  - GV mời HS nêu ý kiến xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt cách vẽ.  **Bài 2**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV mời HS nêu thứ tự các bước vẽ hình.  - GV yêu cầu HS nêu ý, bổ sung.  - GV mời 2 HS nêu cách vẽ hình tam  giác ABC.  - GV yêu cầu cả lớp thực hành vào vở.  - GV yêu cầu HS nêu cách vẽ các đường cao AH, HN và HM?  - GV nhận xét, tuyên dương | -HS đọc yêu cầu của bài.  -HS thực hành vẽ vào vở  -2 HS thực hành vẽ trên bảng.  -HS nêu lại cách vẽ.  -HS nêu ý kiến  -HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu của bài.  -HS nêu thứ tự các bước vẽ.  -HS chia sẻ ý kiến  -HS nêu lại cách vẽ  -HS thực hành vẽ vào vở  -HS nêu cách vẽ các đường cao  -HS lắng nghe |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm *(*** *5p )* | |
| **Bài 3**  - GV tổ chức cho HS quan sát bảng phụ.  Em nhìn thấy ở đâu? Có tác dụng gì?  - GV nhận xét, khen ngợi.  - GV yêu cầu HS dự đoán công dụng của từng bộ phận.  - GV yêu cầu HS nêu hình dáng của vì kèo, các thanh chống là đường nào trong các hình đó?  - GV yêu cầu HS vẽ một vì kèo vào vở.  - GV tổ chức cho HS kể tên thêm 1 số vì kèo trong thực tế cuộc sống.  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước : Hình tam giác . Diện tích hình tam giác ( Tiết 3) | -HS quan sát và trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe, tiếp thu.  -HS nêu dự đoán  - HS chia sẻ ý kiến  -HS thực hành vẽ vào vở  -HS chia sẻ ý kiến  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 80 VIẾT : TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOAN VĂN**

**THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Nhận biết được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

**2. Năng lực, phẩm chất :**

**a. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Nâng cao kĩ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***Năng lực đặc thù***

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**b. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết trân trọng nét riêng của mọi người trong cuộc sống.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, SGK. Tranh ảnh minh họa bài đọc.

**2. Đối với học sinh**

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu :** *(5p)* |  |
| **a.Khởi động**  - GV yêu cầu 1-2 HS nêu tên một số câu chuyện đã học mà HS yêu thích,  - GV cho HS thuật lại ngắn gọn nội dung câu chuyện (có yêu cầu thể hiện cảm xúc riêng).  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS.  **b. Kết nối:**  - GV dẫn dắt và giới thiệu bài | - 1-2 HS nêu.  - HS khá có thể thuật lại câu chuyện ngắn gọn.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nghe và ghi đầu bài |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***: (13p)* | |
| **Bài 1:**  - GV cho HS chơi trò chơi Miếng ghép bí  mật:  + Em hãy đọc bài tập 1 trong sách giáo khoa, làm việc cặp đôi và trả lời các câu hỏi.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày  - GV yêu cầu các nhóm khác nêu ý kiến, bổ sung  - GV nhận xét chốt đáp án  a.Người chị khuyên em không nên phá tổ chim vì khi chim mẹ về, chim mẹ không thấy con sẽ buồn, còn chim non xa mẹ sẽ chết. Không những thế, loài chim còn có rất nhiều lợi ích.  b. Theo lời người chị, khi chim lớn, chim sẽ hát ca, bay lượn, ăn sâu bọ giúp ích cho con người.  c. Câu chuyện giúp em nhận ra rằng cần phải trân trọng sự sống của muôn loài.  **Bài 2:**  -Thảo luận nhóm và hoàn thiện phiếu học tập:  - GV mời đại diện các nhóm trình bày  - GV yêu cầu các nhóm khác nêu ý kiến, bổ sung  - GV nhận xét chốt đáp án  a. Tác giả Phan Nguyên muốn thể hiện những tình cảm, cảm xúc của mình về chuyện Không nên phá tổ chim.  b. Đoạn văn có 5 câu. Phần mở đầu là câu thứ nhất. Còn lại sẽ là các câu ở phần triển khai. Câu cuối cùng là phần kết thúc.  Vị trí các phần:  Mở đầu: Giới thiệu về câu chuyện mang đến cảm xúc cho bản thân  Triển khai: Nêu tóm tắt nội dung câu  chuyện và những tình cảm, cảm xúc của mình về câu chuyện Kết thúc: Khẳng định giá trị của câu chuyện và nhấn mạnh tình cảm của mình  c. Các từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm:  - Lời khuyên của chị thật nhẹ nhàng mà thấm thía.  - Hành động của người em thật đáng khen. Câu chuyện tuy ngắn nhưng thật xúc động.  **Bài 3:**  - GV cho HS trả lời các câu hỏi  + Theo em, đoạn văn nêu cảm xúc về một câu chuyện gồm mấy phần? là những phần nào?  + Hãy nêu nhiệm vụ chính của từng phần.  - GV mời HS trình bày  - GV yêu cầu HS khác nêu ý kiến, bổ sung  - GV nhận xét chốt đáp án  + Đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện thường có 3 phần là mở đầu,  triển khai, kết thúc.  + Người viết có thể biểu lộ tình cảm, cảm xúc bằng cách: sử dụng những tính từ đánh giá (xem ở ý c bài tập 2), những câu bộc lộ cảm xúc trực tiếp: “Không nên phá tổ chim”; là một câu chuyện giản dị nhưng lại mang đến cho tôi nhiều cảm xúc khó quên; Câu chuyện tuy ngắn nhưng thật xúc động bởi ý nghĩa nhân văn cao đẹp,...)  - GV rút ra ghi nhớ | - HS đọc bài tập, làm việc nhóm đôi  - Đại diện nhóm trình bày kết quả  - Các nhóm khác chia sẻ ý kiến  -HS lắng nghe  - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm; nhóm trưởng thống nhất ý kiến và hoàn thiện vào phiếu học tập.  - Đại diện nhóm trình bày  - Các nhóm khác nêu ý kiến đóng góp  -HS lắng nghe  -HS lăng nghe, suy nghĩ trả lời  -HS trình bày câu trả lời  -HS khác nêu ý kiến  -Lắng nghe  -HS nhắc lại |
| **3. Hoạt động luyện tập***: (12)* | |
| - GV cho HS làm việc nhóm.  - GV cũng có thể cho HS tập kể lại ngắn gọn, có thể hiện cảm xúc của bản thân thành lời cho cả lớp cùng nghe.  - GV cho 2 – 3 HS nhận xét, bình chọn theo ý kiến cá nhân.  - GV nhận xét, củng cố. | - HS thảo luận nhóm. Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm đã chuẩn bị.  - 2-3 HS nhận xét, bình chọn câu chuyện/ phần thể hiện lại câu chuyện đó có cảm xúc hay nhất mà em thích.  -HS lắng nghe |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm *(*** *5p )* | |
| - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + *Em hãy chia sẻ với người thân và bạn bè về lợi ích của việc đọc sách.*  + Đọc trước *Tiết Đọc : Từ những câu chuyện ấu thơ* | -HS lắng nghe, tiếp thu  -HS lắng nghe, thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Soạn ngày 23/12/2024*

*Thứ Năm ngày 28 tháng 11 năm 2024*

**TOÁN**

**TIẾT 59 : HÌNH TAM GIÁC.**

**DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC ( T4)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- HS nắm được cách vẽ đường cao của hình tam giác, cách tính diện tích hình tam giác.

- HS vận dụng được kiến thức về hình tam giác để vẽ đường cao của hình tam giác đó; tính diện tích, liên hệ, vận dụng tính diện tích hình tam giác trong một số tình huống thực tế.

**2. Năng lực, phẩm chất :**

**a. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ, tự học*: Chủ động tích cực tìm hiểu, vận dụng cách tính diện tích hình tam giác.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết vận dụng được việc nhận biết các đặc điểm của hình tam giác để giải quyết một số tình huống thực tế.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên..

***Năng lực dặc thù***

- HS có cơ hội phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**b. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy. Các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Đối với học sinh**

- Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu :** *(5p)* |  |
| **a.Khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi Truyền điện.  - GV nhận xét, khen ngợi.  .**b. Kết nối:**  - GV dẫn dắt HS vào bài học | - HS chơi đố nhau theo chủ điểm: Cách tính diện tích các hình.  - Sau khi chơi, HS báo cáo lại cho GV bạn chưa thuộc hết công thức để GV có kế hoạch bồi dưỡng.  - HS lắng nghe.  - HS chú ý lắng nghe |
| **2. Hoạt động luyện tập thực hành***: (25p)* | |
| **Bài 1:**  a. GV yêu cầu HS đọc đề bài trên bảng phụ  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở  - GV mời HS trình bày bài. Các HS khác đổi chéo vở KT  - GV nhận xét. Chốt đáp án.  25 dm2; 8 m2; 100 cm2  - GV yêu cầu HS nhắc lại quy tắc tính diện  tích hình tam giác.  b. GV yêu cầu HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS giải thích cách lựa chọn.  - GV nhận xét. Chốt đáp án  Đổi 20 cm = 2 dm.  Diện tích hình tam giác là  2 × 2 : 2 = 2 (dm2).  Đáp án đúng là đáp án D.  **Bài 2:**  - GV yêu cầu HS đọc đề.  - GV mời 3 HS thực hành vẽ trên bảng và xác định đáy, chiều cao. HS khác vẽ vào vở.  - GV mời HS nêu ý kiến.  - GV nhận xét . Kết luận  **Bài 3**  - GV nhận xét. Chốt đáp án  Đuôi con cá có dạng hình tam giác vuông. Ta sẽ vận dụng công thức để tính diện tích hình tam giác vuông.  6 × 6 : 2 = 18 (cm3).  Vậy đáp án D là đúng  - GV giới thiệu về trò chơi ghép hình.  - GV khuyến khích HS làm bộ ghép hình. | - HS đọc đề bài.  - HS làm bài cá nhân  - HS trình bày bài. HS khác đổi chéo vở kiểm tra  - HS lắng nghe  -HS nêu quy tắc  - HS đọc đề bài  - HS suy nghĩ lựa chọn đáp án.  - HS giải thích cách lựa chọn  - HS lắng nghe  - HS đọc đề bài  - HS thực hiện theo yêu cầu  - HS nêu ý kiến, bổ sung  - HS lắng nghe  -HS đọc đề  - HS chia sẻ đáp án  - HS trình bày lí do lựa chọn  - HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm *(*** *5p )* | |
| **Bài 4.**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài.  - GV mời HS nêu cách tính diện tích cây thông.  Diện tích hình vuông là:  2 × 2 = 4 (cm2).  Diện tích hình tam giác màu cam là:  10 × 5 : 2 = 25 (cm2).  Diện tích hình tam giác màu xanh lá cây là: 8 × 4:2 = 16 (cm2).  Diện tích hình tam giác màu đỏ là:  6 × 3 : 2 = 9 (cm2).  Diện tích cây thông trong hình là:  4 + 25 + 16 + 9 = 54 (cm2).  - GV nhận xét tiết học. Nhắc HS:  + Ôn tập kiến thức đã học*.*  + Hoàn thành bài tập trong SBT. | - HS đọc đề bài  - HS chia sẻ cách tính  - HS trình bày kết quả  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 83 VIẾT : TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN**

**THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT CÂU CHUYỆN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Biết tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

**2. Năng lực, phẩm chất :**

**a. Năng lực**

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Nâng cao kĩ năng viết đoạn văn.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

- Tìm đọc được các câu chuyện kể về các tấm gương học tập hoặc sự nghiệp của các nhà khoa học.

**b. Phẩm chất**

- Phẩm chất nước: Bồi dưỡng phẩm chất ham học hỏi, ham đọc sách, lòng biết ơn đối với những người thân trong gia đình – những người đã nuôi dưỡng nhiều thói quen tốt đẹp cho chúng yêu ta.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt đọng tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, SGK Tranh ảnh minh họa bài đọc.

**2. Đối với học sinh**

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu :** *(5p)* |  |
| **a.Khởi động**  - GV yêu cầu HS nhắc lại cách kể câu chuyện hay đã học ở tiết trước  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS  **b. Kết nối:**  - GV dẫn dắt và giới thiệu bài | - HS trình bày  - HS lắng nghe và tiếp thu.  -HS lắng nghe và ghi đầu bài |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***: (15p)* | |
| **Bài 1**  - GV mời 1-2 HS đọc gợi ý trong phần  chuẩn bị trong sách.  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi dựa vào gợi ý.  - GV quan sát, giúp đỡ HS khi cần.  **Bài 2**  -GV chuẩn bị sẵn sơ đồ thể hiện 3 ý trong viết đoạn  văn:  + Mở đầu (mở đoạn)  + Triển khai (thân đoạn)  + Kết thúc (kết đoạn)  - Hướng dẫn cách viết cho từng nội dung (Mở đầu, Triển khai, Kết thúc)  - GV yêu cầu HS làm bài vào phiếu học tập  - GV mời HS chia sẻ bài  - GV yêu cầu HS khác nêu ý kiến bổ sung  - GV nhận xét, tuyên dương | -2 HS đọc gợi ý trong phần chuẩn bị  -HS làm việc nhóm  -HS hỏi GV nếu cần  -HS quan sát  -HS lắng nghe, tiếp thu  -HS làm bài cá nhân vào PHT  -HS chia sẻ bài  -HS nêu ý kiến bổ sung  -HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập***: (10p)* | |
| **Bài 3**  - GV yêu cầu cá nhân HS dựa vào câu chuyện đã chọn để viết đoạn văn theo yêu cầu để cho trong sách theo gợi ý: Những điều yêu thích ở câu chuyện; tình cảm, cảm xúc đối với câu chuyện; Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc.  Lưu ý: HS viết nháp trên một mặt giấy để dễ dàng theo dõi khi trình chiếu sản phẩm.  - GV gọi HS trình bày sản phẩm, sử dụng máy chiếu vật thể để trình chiếu. GV tổ chức nêu ý kiến sau mỗi HS chia sẻ và định hướng cho HS sửa lại những bài chưa  đạt (nếu có).  - GV cùng HS chọn những bài viết hay để tuyên dương.  **=>** *Để tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện thì người viết cần đọc kĩ câu chuyện, lựa chọn chi tiết gây ấn tượng để bày tỏ. Khi viết cần thực hiện theo cấu trúc 3 phần trong viết đoạn (Mở đầu, Triển khai, Kết thúc).* | -HS lắng nghe,  -HS chia sẻ bài trước lớp. HS khác lắng nghe nêu ý kiến bổ sung  -HS bình trọn bài hay nhất  -HS lắng nghe |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm *(*** *5p )* | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Truyền điện.  - Y/c mỗi HS sẽ nêu 1 câu thể hiện tình  cảm, cảm xúc về 1 câu chuyện.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Chia sẻ với người thân về bài viết  + Đọc trước *: Đọc mở rộng* | - HS tham gia.  - HS nêu theo yêu cầu.  - HS lắng nghe. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Soạn ngày 23/12/2024*

*Thứ Sáu ngày 29 tháng 11 năm 2024*

**TOÁN**

**TIẾT 60 : HÌNH THANG.**

**DIỆN TÍCH HÌNH THANG ( T1)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- HS nhận biết được đặc điểm của hình thang: Có hai cạnh đáy song song, hai cạnh bên; hình thang có đường cao vuông góc với hai đáy.

- HS vận dụng được việc nhận biết các đặc điểm của hình thang để giải quyết một số vấn đề trong thực tế.

**2. Năng lực, phẩm chất :**

**a. Năng lực**

***Năng lực chung:***

- *Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động tích cực tìm hiểu về hình thang.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết vận dụng được việc nhận biết các đặc điểm của hình thang để giải quyết một số tình huống thực tế.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Có thói quen trao đổi, thảo luận cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

***\*Năng lực dặc thù***

- HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học,...

**b. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi tìm tòi để hoàn thành tốt nội dung học tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy. Các thiết bị, học liệu và đồ dùng phục vụ cho tiết dạy.

**2. Đối với học sinh**

Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu :** *(5p)* |  |
| **a.Khởi động**  - GV đưa tình huống: Mai, Nam, Mi và Rô-bốt đang xem mô hình ô tô và nhận xét về các hình để tạo thành chiếc ô tô.  - GV mời 3 em đóng vai 3 bạn và nêu tình huống.  **b. Kết nối:**  - GV dẫn dắt HS vào bài học | - HS lắng nghe tình huống  - HS thực hiện yêu cầu  - HS chú ý lắng nghe, Ghi đầu bài |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***: (13p)* | |
| **HĐ 1 : Giới thiệu về hình thang**  - GV yêu cầu HS quan sát hình thang và trả lời câu hỏi:  + Hình trên có mấy đỉnh? Mấy cạnh? Mấy góc?  + Hình trên có các cạnh nào đặc biệt?/ Hình trên có hai cạnh nào song song?  - GV nhận xét. Chốt ý :  + 4 đỉnh, 4 cạnh, 4 góc giống hình tứ giác.  + Hình có một cặp cạnh đối diện song song.  - GV yêu cầu HS quan sát hình thang  ABCD.  - GV yêu cầu HS đọc tên, nêu bốn cạnh và hai cạnh song song.  - GV nhận xét. Chốt ý  + Hình thang ABCD có bốn cạnh là AB, BC, CD, DA trong đó có cạnh AB song song với cạnh DC.  - GV giới thiệu: Hình thang có một cặp cạnh đối diện song song với nhau gọi là hai cạnh đáy. Trong đó AB là đáy nhỏ, DC là đáy lớn. Hai cạnh AD và BC là hai cạnh bên.  **HĐ 2 : Giới thiệu đường cao của hình thang**  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi:  + Theo em, trong hình thang ABCD, AH có vai trò gì?  + Vì sao em lại có dự đoán như vậy?  - GV nhận xét, kết luận.  + AH là đường cao của hình thang ABCD. AH vuông góc với hai đáy AB và DC. | - HS quan sát hình và trả lời câu hỏi  - HS lắng nghe  - HS quan sát hình.  - HS đọc tên 4 cạnh và 4 góc  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  -HS quan sát và trả lời câu hỏi  -HS lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập thực hành***: (12p)* | |
| **Bài 1**  - GV mời HS đọc đề bài  - GV yêu cầu HS sử dụng thẻ Đ/S nêu ý kiến.  - GV yêu cầu HS nêu lí do vì sao lại chọn hình là hình thang.  - GV kết luận.  - GV mời HS nhắc lại đặc điểm của hình thang.  **Bài 2**  - GV cùng HS quay lại với tình huống lúc mở đầu: Tên gọi hình thang có phải xuất phát từ hình cái thang không? Vì sao cái thang lại có hình dạng như vậy?  - GV kết luận: Các khoảng ô trống của cá  i thang có dạng hình thang. Đó cũng là lí do người ta đặt tên hình này như vậy. Với hai cạnh đáy song song, đáy lớn nằm dưới, đáy bé nằm trên giúp cái thang đứng vững vàng và dễ sử dụng.  - GV yêu cầu HS nêu tên các sự vật được ứng dụng hình thang trong SGK.  - GV nhận xét, khen ngợi. | - HS đọc đề bài  - HS bày tỏ ý kiến qua thẻ  - HS chia sẻ lí do chọn  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại đặc điểm của hình thoi  -HS trả lời theo ý hiểu  -HS lắng nghe  -HS chia sẻ ý kiến  -HS lắng nghe |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm *(*** *5p )* | |
| **Bài 3**  a) Hình thang vuông  - GV yêu cầu HS quan sát hình chong chóng 4 cánh, gọi tên các hình có trong bảng phụ đó.  - GV mời HS nêu sự đặc biệt của 4 hình thang bằng cách đọc lời thoại của Rô-bốt.  - GV yêu cầu HS nêu ý hiểu về hình thang vuông.  - GV yêu cầu HS quan sát bảng phụ, GV nêu: Đây chính là hình thang vuông ABCD.  - GV nhận xét, kết luận: Hình thang có một cạnh vuông góc với hai đáy gọi là hình thang vuông.  **b) Kiểm tra hình thang vuông**  - GV yêu cầu HS đọc bài 36.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân rồi trao đổi kết quả với bạn cùng bàn.  - GV mời HS nêu kết quả làm việc của  mình, giải thích cách làm trên 2 hình trên bảng phụ.  - GV nhận xét.  - GV nhận xét tiết học. Nhắc HS:  + Ôn tập kiến thức đã học*.*  + Hoàn thành bài tập trong SBT. | - HS quan sát hình  - HS chia sẻ ý kiến  - HS trình bày theo ý hiểu  - HS quan sát  - HS lắng nghe  - HS đọc bài  - HS suy nghí tìm câu trả lời và chia sẻ trong nhóm  - HS chia sẻ ý kiến |

**IV.ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 84 : ĐỌC MỞ RỘNG**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- Tìm đọc được các câu chuyện kể về các tấm gương học tập hoặc sự nghiệp của các nhà khoa học, viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

- Giúp HS mở rộng hơn về chủ điểm, có thêm hiểu biết và động lực học tập, rèn luyện thói quen đọc sách và biết thể hiện suy nghĩ của mình về câu chuyện đã đọc.

**2. Năng lực, phẩm chất :**

**a. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Tích cực đọc sách, đọc các câu chuyện mở rộng để rèn luyện thói quen đọc sách và đưa ra suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình về câu chuyện đã đọc.

***Năng lực đặc thù***

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

**b. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong đọc các câu chuyện một cách nghiêm túc và có định hướng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có trách nhiệm khi tự đọc sách, suy nghĩ và thể hiện đúng quan điểm về câu chuyện đã đọc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Đối với giáo viên**

- Kế hoạch bài dạy, SGK. Máy tính, máy chiếu (nếu có).

**2. Đối với học sinh**

- SGK Tiếng Việt 5.

- Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu :** *(5p)* |  |
| **a.Khởi động**  - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi ghép hình.  - Muốn mở 1 miếng ghép, HS cần nêu được tên câu chuyện (kể về các tấm gương học tập hoặc sự nghiệp của các nhà khoa học) trong miếng ghép đó.  - Miếng ghép mở ra thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí.  - GV nhận xét, đánh giá và khích lệ HS  **b. Kết nối:**  - GV dẫn dắt và giới thiệu bài: Đọc mở rộng | - HS tham gia chơi.  - HS lắng nghe và thực hiện  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe và ghi đầu bài |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới***: (25p)* | |
| **Hoạt động 1:**  - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học.  **Hoạt động 2: Viết phiếu đọc sách theo mẫu.**  - Hướng dẫn HS làm việc cá nhân:  + Nhớ lại hoặc đọc lại câu chuyện về tấm gương học tập hoặc những đóng góp của một nhà khoa học.  + Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong sách, khuyến khích học sinh sáng tạo.  - GV yêu cầu HS viết vào phiếu đọc sách  **Hoạt động 3: Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm.  + Khuyến khích HS nêu câu hỏi và có  những phản biện thể hiện quan điểm cá nhân.  - GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm  - GV mời các nhóm chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét tuyên dương | - HS làm việc cá nhân  -HS lắng nghe  - HS đọc gợi ý trong sách để viết phiếu đọc sách theo mẫu hoặc sáng tạo phiếu đọc sách theo ý tưởng của mình và tuỳ theo nội dung câu chuyện  đã đọc.  - HS trao đổi, chia sẻ với bạn về câu chuyện đã đọc theo gợi ý, hướng dẫn trong sách.  + Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin bạn chia sẻ.  -HS chia sẻ trước lớp |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm *(*** *5p )* | |
| - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Chia sẻ với người thân về những câu chuyện đã đọc  + Đọc trước *: Dế Mèn phiêu lưu kí* | - HS lắng nghe, tiếp thu  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH- BỔ SUNG**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................